

A decorative border of 48 globe icons, arranged in a rectangular frame around the central text. Each globe is a stylized representation of Earth with green continents and blue oceans, set against a white background with a thin black outline.

Luật doanh nghiệp

LUẬT DOANH NGHIỆP

CHƯƠNG I: TỔNG QUÁT VỀ LUẬT DOANH NGHIỆP

I. Định nghĩa.

DN là 1 TC KT có tên, có trụ sở cụ thể, có TS riêng có ĐKKD hợp lệ & hđ nhằm mục đích KD.

II. Phân loại DN

1. DN tư nhân: do 1 cá nhân làm chủ, chủ SH DN chịu trách nhiệm đv các khoản nợ DN đến hết TS.

2. CTTNHH 1 thành viên: do 1 TC làm chủ, chủ SH DN chịu trách nhiệm các khoản nợ của DN tới mức vốn điều lệ.

3. CTTNHH 2 tv trở lên (tối đa 50 TV): do ít nhất 2 TV trở lên góp vốn, TV góp vốn chịu trách nhiệm tới mức vốn góp.

4. CT cổ phần: do ít nhất 3 TV góp vốn không hạn chế mức tối đa, TV góp vốn mua cổ phiếu của CT gọi là cổ đông, cổ đông chịu trách nhiệm tới mức vốn góp vào CT.

5. CT hợp danh: là do ít nhất 2 TV hợp danh thành lập, có thể thêm thành viên góp vốn, TV hợp danh chịu trách nhiệm đv các khoản nợ CT đến hết TS, TV góp vốn chịu trách nhiệm các khoản nợ đến hết mức vốn góp.

III. Thành lập DN.

*GD I(ĐKKD): cá nhân hoặc TC muốn ĐKKD phải nộp HS ở cơ quan ĐK có thẩm quyền, cơ quan ĐK có thẩm quyền trực thuộc các tỉnh thành phố hoặc trung ương (Sở kế hoạch và đầu tư). HSĐK gồm: Đơn ĐKKD, đv CT thì có thêm bảng điều lệ & danh sách góp vốn cơ quan ĐK sẽ xem xét HS trong vòng 15 ngày nếu chấp nhận thì cấp giấy chứng nhận ĐKKD. Sau khi có giấy chứng nhận ĐKKD thì DN được phép hđ.

*GD II (Công bố việc thành lập): trong vòng 30 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận ĐKKD, DN phải đăng báo, thông báo về

việc thành lập DN, phải đăng trên báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương trong 3 số liên tiếp.

IV. Quyền và nghĩa vụ DN.

1. Quyền của DN.

a. Quyền tự do KD.

-Quyền tự do chọn ngành nghề KD, người ĐKKD được tự do chọn ngành nghề KD, ngoại trừ ngành nghề mà PL bắt buộc phải có đầy đủ các điều kiện mới được ĐKKD & các ngành nghề mà phải có mức vốn tối thiểu hay có những nghề mà đòi hỏi phải có giấy chứng nhận hành nghề.

-Quyền tự chủ tìm kiếm thị trường và QH với khách hàng.

-Quyền tự chủ KD.

-Quyền được tuyển chọn thuê lđ theo nhu cầu KD.

-Quyền được KD xuất nhập khẩu.

-Quyền được tự huy động vốn (kể cả vốn vay hay vốn góp).

-Quyền được từ chối & tố cáo mọi yêu cầu của các quyền lực không theo quy định của PL của bất kì đoàn thể, TC, cá nhân ngoại trừ tự nguyện đóng góp cho công ích.

b. Quyền SH DN.

DN được quyền sd chiếm hữu & quyết định đv toàn bộ TS thuộc quyền quản lí của DN.

1>Quyền chuyển nhượng: DN có thể cho thuê hoặc bán DN.

2>Quyền TC lại DN.

+Chia DN.

+Tách DN.

+Hợp nhất DN.

+Sáp nhập DN.

+Chuyển đổi DN.

2. Nghĩa vụ của DN.

-Phải KD đúng ngành nghề ghi trong HSDK.

-Phải lập & giữ sổ sách kế toán chứng từ tài chính theo quy định của PL.

-Phải đăng kí kê khai và nộp thuế.

-Phải đảm bảo chất lượng HH theo tiêu chuẩn đã đăng kí.

-Phải định kì báo cáo cơ quan ĐK tình hình hđ tài chính của DN.

-Phải ưu tiên tuyển chọn ld là người trong nước, AD luật ld để bảo vệ người ld.

-Phải thực hiện những quy định của PL về an ninh quốc phòng, an toàn XH, bảo vệ môi trường, bảo vệ di tích LS các danh lam thắng cảnh.

V. Phân biệt giải thể và phá sản.

	Giải thể	Phá sản
♠ Lí do	<p>-DN chấm dứt tg hđ.</p> <p>-Quyết định giải thể của DN.</p> <p>-DN ko còn đủ số tv tối thiểu theo luật định.</p> <p>-Do quyết định của cơ quan NN có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận ĐKKD:</p> <p>*Quá 12 tháng kể từ ngày DN được cấp giấy phép KD mà không hđ được.</p> <p>*DN ngưng hđ quá 12 tháng không có lí do chính đáng.</p> <p>*DN ko báo cáo định kì với cơ quan ĐK.</p> <p>*DN ko báo cáo theo yêu cầu of cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>-DN mất khả năng thanh toán.</p>
♠ Điều	<p>-Thanh toán song nợ và thanh</p>	<p>-Phải có yêu cầu phá sản</p>

kiện	toán song hợp đồng.	<p>của:</p> <ul style="list-style-type: none"> +chủ nợ:•ko bảo đảm bằng TS. •bảo đảm 1 phần. +Đại diện of người lđ(If quá 3 tháng ko được trả lương). +DN lâm vào tình trạng PS hay mất khả năng thanh toán.
♠Cơ quan q/định	-Chính DN được quyền quyết định hoặc cơ quan NN thu hồi giấy chứng nhận ĐKKK.	-Toà án KT.
♠Hậu quả	-Chấm dứt hoạt động KD.	-Chấm dứt hoạt động KD.
♠Chia TS còn lại	-Theo tỉ lệ góp vốn	<p>-Theo quyết định phá sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> *Trả chi phí PS. +Chi phí phát mãi TS. +Trả lương cho thẩm phán. +Trả lương cho tổ thanh lí TS. *Nợ người lđ:lương, phụ cấp thôi việc & các phụ cấp khác nếu có. *Nợ thuế. *Chia theo tỉ lệ nợ.

CHƯƠNG II: TƯ CÁCH NHÀ KINH DOANH(THƯƠNG NHÂN)

Sau khi ĐKKD DN có tư cách thương nhân, có tất cả các quyền và nghĩa vụ của 1 thương nhân được quy định trong luật thương mại. Còn hđ KD của DN thuộc về luật thương mại chi phối.

I. Định nghĩa thương nhân.

Là cá nhân, pháp nhân, tổ hợp tác hộ gđ có ĐKKD hợp lệ & hđ KD có tính cách thường xuyên và độc lập.

II. Đặc điểm của thương nhân.

1. Phải có ĐKKD hợp lệ.
2. Phải thực hiện hđ KD 1 cách thường xuyên liên tục.
3. Thực hiện hđ KD có tính cách nghề nghiệp chuyên môn(coi nghề KD là nghề chính).
4. Thực hiện hđ KD có tính cách độc lập(KD cho chính mình).

III. Phân loại thương nhân.

1>Thương nhân thể nhân: là những cá nhân có ĐKKD hợp lệ, phải có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực pháp lí ngoại trừ:

- +Vị thành niên dưới 18 tuổi không được ĐKKD.
- +Người thành niên nhưng bị hạn chế năng lực hành vi.
- +Những người bị cấm quyền là những người bị PL cấm không cho thực hiện 1 số quyền nên không đầy đủ năng lực pháp lí.
- Cấm quyền tổng quát là bị cấm mọi thứ quyền.

Đang thi hành án tù.

Bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

-Cấm quyền đặc biệt 1

Cấm kiêm nhiệm hoạt động KD.

->Các công thức đang làm việc trong cơ quan hành chính.

->Những người giữ chức vụ lãnh đạo và quản lí nghiệp vụ trong DNNN.

->Các sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong quân đội nhân dân. Sĩ quan, hạ sĩ quan trong CAND.

=> 3 loại người này không được đứng tên thành lập DNTN, không được giữ chức vụ quản lý trong CT mình hùn vốn, nhưng không cấm hùn vốn vào CT.

Bị tước quyền KD: tội phạm KT như buôn lậu, làm hàng giả, tội bán hàng giả, KD trái phép, trốn thuế và những người giữ chức vụ quản lý trong DN phá sản.

2>Thương nhân pháp nhân:

Là các TC có ĐKKD hợp lệ, TC muốn ĐKKD thì phải có tư cách pháp nhân.

+Pháp nhân là 1 TC hội đủ những điều kiện luật định, được PL công nhận, có tư cách pháp nhân trước PL. do đó pháp nhân có tất cả các quyền, nghĩa vụ trách nhiệm trước PL như 1 thể nhân.

->không phải TC nào cũng có tư cách pháp nhân.

+Các điều kiện để 1 TC có tư cách pháp nhân.

-Thành lập hợp pháp.

-Có TC chặt chẽ.

-Có TS riêng, chịu trách nhiệm trước PL.

-Có quyền tự mình thực hiện hành vi quản lý.(mua bán, thuê mượn, vay mượn v.v....).

Pháp nhân Kinh tế	Pháp nhân dân sự
Có quyền quyết định 1 cách độc lập đv các hđ SXKD của đơn vị.	Không đòi hỏi
Được kí hợp đồng KT và hợp đồng dân sự	Chỉ được kí hợp đồng dân sự

IV.Quyền và nghĩa vụ của thương nhân.

1>Quyền của thương nhân:

-Được phép KD hợp pháp.

-Được bình đẳng trước PL.

->DNTN, CT, DNNN đều được bình đẳng trước PL.

*DNTN và CT hợp danh không có tư cách pháp nhân.

-Được hợp tác KD theo những hình thức hợp tác mà PL cho phép.

-Được phép cạnh tranh hợp pháp, không được thực hiện các hành vi cạnh tranh gây tổn hại cho quốc gia hay gây thiệt hại cho thương nhân khác.

*Hành vi cạnh tranh bất hợp pháp

-Đầu cơ lũng loạn thị trường.

-Phá giá để cạnh tranh.

-Giảm phá thương nhân khác.

-Lôi kéo mua chuộc, đe dọa NV hoặc khách hàng của thương nhân khác.

-Xâm phạm quyền SH nhãn hiệu hàng hoá, quyền SH công nghệ khác.

*Quyền SH công nghệ.

+Quyền SH sáng chế phát minh.

+Quyền SH về nhãn hiệu hàng hoá, bản hiệu cửa hàng.

+Quyền SH kiểu dáng công nghệ.

Người có quyền SH có 2 quyền:

+Độc quyền khai thác -> chỉ có người có quyền SH công nghệ mới được đem ra khai thác, bất cứ người nào xâm phạm quyền SH công nghệ đều bị kiện về tội mạo hoá.

+Người có quyền SH công nghệ còn có thể kiện về tội cạnh tranh bất hợp pháp.

-Đối với bằng phát minh thì không quá 20 năm.

-Bằng hiệu 10 năm: nhưng được phép tái tục(đóng tiền bảo hộ quyền SH công nghệ).

-Nhãn hiệu 5 năm.

+Quyền chuyển nhượng quyền SH công nghệ.

-Bán quyền SH công nghệ(chỉ được cho 1 người, báo cơ quan đăng kí).

-Nhượng quyền SH công nghệ Sd -> được nhượng cho nhiều người, người được nhượng quyền được cấp cho giấy nhượng quyền sd.

Người được nhượng quyền sd được đem ra khai thác trong thực tế, nhưng không được nhượng quyền sd đó cho người khác.

2>Nghĩa vụ của thương nhân.

-ĐKKD hợp lệ, luật thương mại cho phép cơ quan đăng kí thông tin về việc ĐKKD của 1 thương nhân theo yêu cầu của bất kì cơ quan, đoàn thể, TC cá nhân thương nhân khác, có thể sao hay trích lục bảng đăng kí nhưng phải nộp lệ phí.

-Phải có tên thương mại và bảng hiệu theo đúng quy định của PL:

+Tên không được trùng với tên của các DN đã đăng kí trước đó.

+Tên không được vi phạm Pl, thuần phong mỹ tục, đạo đức XH, Văn hoá VN.

+Tên phải được ghi bằng chữ VN, nếu có tên nước ngoài thì phải ghi nhỏ hơn thấp hơn.

-Lập và giữ sổ sách kế toán, chứng từ tài chính theo quy định của PL.

-Đăng kí kê khai, nộp thuế theo quy định của PL.

-Mở tài khoản ở ngân hàng, giao dịch thông qua hệ thống ngân hàng.

-Nghĩa vụ đv người tiêu thụ:

+Thông tin chính xác về hàng hoá hay dịch vụ do mình cung cấp:

->không được quảng cáo dối trá.

->Không được bán hàng giả hàng không đúng chất lượng, hàng không có nơi Sx hợp pháp.

->Bảo đảm tính hợp pháp của hàng hoá mình bán ra.

CHƯƠNG III: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN

I. Định nghĩa.

DN tư nhân là 1 TCKT do 1 cá nhân làm chủ, chủ DN chịu trách nhiệm đv các khoản nợ của DN tới hết TS.

II. Vốn của DN tư nhân.

1. Vốn đầu tư:

Là mức vốn mà chủ nhân DN ghi trong HSDK, mức vốn này là TS của chủ nhân DN. Vốn này là vốn đầu tư chứ không là vốn điều lệ (vì DN tư nhân không có bảng điều lệ).

2. Vốn hoạt động (vốn KD) = Vốn đầu tư + Vốn vay.

III. Quyền của chủ nhân DN.

1. Quyền tự chủ KD: Chủ nhân DN được quyền quyết định mọi công việc KD của DN trong phạm vi ĐK.

2. Quyền chuyển nhượng DN.

a. cho thuê DN: Chủ nhân DN có quyền cho thuê DN nhưng phải báo cho cơ quan đăng kí biết trước khi cho thuê. Phải có sự uỷ quyền của chủ nhân DN thì người đi thuê mới chịu thuê DN. Trong tg cho thuê chủ DN vẫn chịu trách nhiệm đv mọi hđ của DN với tư cách chủ SH DN.

b. Bán DN: Chủ nhân DN được quyền bán DN cho người khác nhưng phải báo cho cơ quan đăng kí, cơ quan thuế vụ chậm nhất là 15 ngày trước bán. Trong thông báo cho cơ quan ĐK, chủ nhân DN phải thông báo tổng số nợ chưa thanh toán, tổng số HĐ chưa thanh lí, tên, địa chỉ, số nợ của từng chủ nợ. Sau khi bán, nếu nợ chưa thanh toán chủ nhân DN phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước PL.

3. Quyền tạm ngưng hđ KD 1 thời gian.

Chủ nhân DN có quyền ngưng hđ KD nhưng phải báo cho cơ quan ĐK, cơ quan thuế vụ chậm nhất là 15 ngày trước khi ngưng hđ KD. Trong tg ngưng hđ KD chủ nhân DN vẫn phải tiếp tục trả nợ

thuế & các khoản nợ khác ngoại trừ trường hợp có toả thuận riêng với chủ nợ.

IV. Quản lí Doanh Nghiệp.

Thông thường chủ nhân DN tự mình quản lí DN bởi vì chủ nhân DN phải chịu trách nhiệm đv mọi hđ của DN đến hết TS. Tuy nhiên nếu chủ nhân DN không đủ trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định PL thì chủ nhân DN có quyền thuê người khác quản lí DN nhưng phải báo cơ quan ĐK biết trong suốt tg thuê người khác quản lí DN, chủ DN vẫn phải chịu trách nhiệm đv mọi hđ KD của DN với tư cách chủ SH DN.

Chủ nhân DN tư nhân là đại diện theo PL của DN.

CHƯƠNG IV: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

A. CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN 2 THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

I. Định nghĩa.

Là 1 DN do ít nhất 2TV trở lên góp vốn (tối đa không quá 50 TV). TV góp vốn chịu trách nhiệm đv các khoản nợ của CT đv mức vốn góp vào CT.

CT TNHH 2TV trở lên có tư cách pháp nhân từ khi được cấp giấy chứng nhận ĐKKD. CT không được phát hành cổ phiếu.

II. Tư cách pháp nhân của Công ty.

CT có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp giấy CN ĐKKD dưới danh nghĩa của pháp nhân trong suốt tg hđ cho đến khi CT bị giải thể hay phá sản. Pháp nhân CT đứng tên trong sổ ĐKKD chịu trách nhiệm đv mọi hđ KD của CT tới hết TS. TS của pháp nhân CT thì chỉ có pháp nhân CT mới có quyền quyết định, các TV góp vốn không được quyền quyết định cá nhân.

Quyết định của tập thể TV góp vốn là quyết định của pháp nhân, trách nhiệm của pháp nhân là trách nhiệm tới hết TS.

III. Vốn của Công ty.

1. Vốn điều lệ: Là mức vốn mà các sáng lập viên ghi trong HSĐK, được ghi vào trong bảng điều lệ nên được gọi là vốn điều lệ. Trong tg hđ vốn điều lệ có thể tăng hoặc giảm nhưng phải báo cơ quan ĐK biết.

a. Các biện pháp tăng vốn:

- Tăng vốn góp của các TV theo tỉ lệ góp vốn của họ trong CT.
- Điều chỉnh vốn điều lệ theo giá trị tăng lên của giá trị của CT.
- Thu nhận phần vốn góp của các TV mới.

b. Các biện pháp giảm vốn:

- Hoàn lại vốn góp cho các Tv theo tỉ lệ góp vốn của họ trong CT. CT chỉ được hoàn lại vốn cho các TV nếu ngay sau khi hoàn lại vốn góp CT vẫn đảm bảo khả năng trả nợ & nghĩa vụ TS khác.

2. Vốn góp của các TV.

a. Việc góp vốn.

TV góp vốn phải nộp vốn đủ & đúng hạn theo như cam kết. Nếu không nộp đủ vốn đúng hạn theo như cam kết thì phần vốn nộp không đủ sẽ trở thành món nợ của TV đó đv CT. TV đó phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại của CT đv phần thiệt hại của CT do việc nộp vốn không đủ gây ra.

Người đại diện của CT phải có trách nhiệm thông báo cho cơ quan ĐK biết mỗi khi có TV nộp vốn không đủ theo như cam kết. Nếu quá 30 ngày kể từ ngày có TV nộp vốn không đủ theo như cam kết mà người đại diện của CT không thông báo cho cơ quan ĐK biết thì người đại diện phải liên đới chịu trách nhiệm với TV nộp vốn không đủ bồi thường thiệt hại cho CT.

Nếu TV góp vốn bằng 1 TS có giấy tờ SH thì phải chuyển quyền SH qua pháp nhân CT. việc chuyển quyền SH này được miễn thuế trước bạ.

b.Chuyển nhượng vốn.

T V góp vốn muốn chuyển nhượng vốn thì phải gửi 1 chào bán đến các TV khác trong CT đề nghị các TV này mua lại phần góp vốn của mình theo tỉ lệ góp vốn của họ trong CT.Cuối cùng nếu không ai muốn mua nữa thì phần còn lại sẽ được bán cho người ngoài.

c.Đề nghị mua lại phần vốn góp.

Nếu có TV phản đối quyết định của hội đồng TV về 1 trong 2 vấn đề. Sửa đổi bảng điều lệ liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của TV hay tổ chức lại công ty thì thành viên đó có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần vốn góp của mình tuy nhiên công ty chỉ mua lại phần góp vốn của TV nếu sau khi mua lại phần góp vốn công ty vẫn đảm bảo nghĩa trả nợ và những nghĩa vụ TS khác.

III.Quản lí công ty.

Cơ cấu quản lí gồm có:

Hội Đồng Thành Viên.

Giám Đốc.

Ban Kiểm Soát.(Nếu TV trên 11 người trở lên).

*Vai trò của Hội Đồng Thành Viên:

Gồm tất cả các TV góp vốn.HĐTV họp ít nhất mỗi năm 1 lần, ngoài ra có thể được triệu tập bất thường theo chủ tịch của HĐTV, của BKS hoặc của TV hay nhóm TV sở hữu trên 35% vốn điều lệ của công ty.HĐTV biểu quyết theo tỉ lệ góp vốn.HĐTV là cơ quan có quyền quyết định cao nhất trong công ty quyết định những vấn đề quan trọng nhất của công ty.HĐTV quyết định chiến lược KD, kế hoạch SXKD, phương án đầu tư, phương án huy động vốn.

-Chia lời:Xử lí lỗ, Bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ Giám Đốc và các chức danh quản lí của công ty.

-Với các hợp đồng vay mượn vượt quá 50% tổng số vốn của công ty thì phải được sự đồng ý của HĐQT.

-Sửa đổi bản điều lệ, tổ chức lại công ty, quyết định giải thể công ty.

*Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra theo tỉ lệ góp vốn(thường là người có số vốn góp cao nhất công ty).

+Chủ tịch HĐQT có thể kiêm chức vụ Giám Đốc công ty.

+Nếu bản điều lệ quy định chủ tịch HĐQT là đại diện theo PL của công ty thì tất cả các giấy tờ giao dịch phải ghi rõ điều đó(người đứng đầu của pháp nhân và đang giữ chức vụ đó, đại diện theo uỷ quyền).

*Giám Đốc công ty: do HĐQT cử ra, có thể chọn người trong HĐQT hay thuê người ngoài làm Giám Đốc.

-Giám Đốc được giao nghĩa vụ điều hành công việc hàng ngày của công ty(quyết định thực hiện kế hoạch đã được thông qua).

-Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT nếu bản điều lệ không quy định chủ tịch HĐQT là đại diện theo PL của công ty thì Giám Đốc là đại diện theo PL của công ty.

-Giám đốc có tất cả các nghĩa vụ của người quản lí công ty:

+Thực hiện nghĩa vụ được giao 1 cách trung thực, mẫn các vì quyền lợi của công ty, lợi dụng chức vụ quyền hạn để thu lợi riêng cho chính mình và cho người khác, tiết lộ bí mật của công ty cho người khác nếu không được sự đồng ý của HĐQT. Khi công ty mất khả năng thanh toán,Giám Đốc phải thông báo tình hình tài chính của công ty cho tất cả các thành viên góp vốn của công ty biết và các chủ nợ. Nếu không thông báo để xảy ra thiệt hại cho chủ nợ thì chủ nợ có quyền kiện Giám Đốc thì Giám Đốc chịu trách nhiệm cá nhân bồi thường thiệt hại cho chủ nợ.

+Những hợp đồng phải thông báo cho tất cả TV góp vốn biết, những hợp đồng KT, dân sự, lao động được kí kết giữa 1 bên là công ty với 1

bên là TV góp vốn hoặc với Giám Đốc công ty hay những người có liên quan đến họ, những hợp đồng này phải thông báo cho tất cả các TV góp vốn biết. Nếu có TV nào thấy có vấn đề tư lợi thì đề nghị đưa ra HĐQT quyết định. Nếu hợp đồng được kí trước khi HĐQT quyết định thì hợp đồng sẽ bị vô hiệu, các bên xử lí vô hiệu, người nào gây thiệt hại cho công ty thì phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

B.CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN 1 THÀNH VIÊN.

I.Định nghĩa.

Là 1 DN do 1 tổ chức làm chủ sở hữu. Chủ sở hữu chịu trách nhiệm đv các khoản nợ của công ty tới mức vốn điều lệ.

Công ty TNHH 1 TV có tư cách pháp nhân kể từ khi được cấp giấy chứng nhận ĐKKD. Công ty không được phát hành cổ phiếu.

Nghị định hướng dẫn thi hành luật DN quy định tổ chức làm chủ sở hữu CTTNHH 1 TV phải là 1 tổ chức có tư cách pháp nhân.

II.Hạn chế quyền của chủ sở hữu.

Chủ SH không được rút vốn trực tiếp nhưng có thể chuyển nhượng vốn cho các nhân hay tổ chức khác, không được rút lợi nhuận khi côngty không có lãi.

III.Quản lí công ty.

Chủ SH được quyền quyết định cơ cấu quản lí của công ty, tùy theo quy mô, ngành nghề KD, chủ Sh có thể chọn 1 trong 2 hình thức: HĐQT và Giám Đốc hay Chủ tịch công ty và Giám Đốc.

IV.Tăng, giảm vốn điều lệ.

CT có thể tăng, giảm vốn điều lệ bằng các biện pháp sau:

-Thay đổi vốn đầu tư của chủ SH công ty(không được giảm vốn trực tiếp).

-Điều chỉnh vốn điều lệ theo giá trị tăng hoặc giảm của TS công ty.

CHƯƠNG V: CÔNG TY CỔ PHẦN

I. Định nghĩa.

CTCP là 1 DN do ít nhất 3 TV trở lên góp vốn, không hạn chế mức tối đa. Vốn điều lệ của công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần. Người mua cổ phần gọi là cổ đông, được chia lời dưới dạng cổ tức, chịu trách nhiệm về các khoản nợ của CT tới mức vốn góp vào CT.

CTCP có tư cách pháp nhân kể từ khi được cấp giấy chứng nhận ĐKKD. CTCP được phép phát hành chứng khoán.

+CTCP là CT đối vốn chỉ chú trọng đến phần vốn góp.

+Cho phép chuyển nhượng vốn tự do trên thị trường.

+CTTNHH 2TV trở lên, CT nữa đối nhân, nữa đối vốn, CT hỗn hợp

CT hợp danh, CT đối nhân không cho chuyển nhượng vốn tự do trên thị trường.

II. Vốn của công ty cổ phần.

1>Vốn điều lệ: Là mức vốn các sáng lập viên ghi trong HSDK, được ghi vào bản điều lệ gọi là vốn điều lệ, vốn điều lệ được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.

2> Các loại cổ phần.

-Cổ phần ưu đãi.

-Cổ phần phổ thông.

a> Cổ phần ưu đãi.

*Cổ phần ưu đãi biểu quyết: có quyền biểu quyết cao hơn cổ phần phổ thông (do bản điều lệ quy định), dành cho cổ phần nhà nước và cổ phần các sáng lập viên.

Tổ chức đại diện cho nhà nước theo uỷ quyền, các sáng lập viên. Đối với sáng lập viên quyền ưu đãi chỉ có 3 năm đầu. Sau 3 năm cổ

phần ưu đãi biểu quyết của sáng lập viên chuyển thành cổ phần phổ thông.

Không được chuyển nhượng vốn tự do trên thị trường. Cổ đông SH cổ phần biểu quyết có tất cả các quyền như cổ đông SH cổ phần phổ thông.

*Cổ phần ưu đãi cổ tức.

Cổ tức của cổ phần này cao hơn cổ tức của cổ phần phổ thông(do bản điều lệ quy định).

Cổ tức ấn định hằng năm(cổ tức cố định và cổ tức thưởng).

Cổ đông SH cổ phần ưu đãi cổ tức có tất cả các quyền như cổ đông phổ thông nhưng không được tham gia ĐHĐ, không được biểu quyết ở ĐHĐ, không được đề cử ứng cử người vào HĐQT và BKS.

*Cổ phần ưu đãi hoàn lại.

Cổ đông SH cổ phần ưu đãi hoàn lại được quyền yêu cầu công ty hoàn lại vốn góp bất kì khi nào theo yêu cầu hoặc theo điều kiện ghi trên tờ cổ phiếu. Cổ đông SH cổ phần ưu đãi hoàn lại có tất cả các quyền như cổ phần phổ thông nhưng không được tham gia ĐHĐ, không được biểu quyết ở ĐHĐ, không được đề cử ứng cử người vào HĐQT và BKS.

b>Cổ phần phổ thông.

Cổ phần phổ thông có quyền như sau:

-Đại Hội Đồng.

-Được biểu quyết ở ĐHĐ, mỗi cổ phần phổ thông có 1 phiếu biểu quyết ở ĐHĐ, được chia lời và chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp, được chuyển nhượng vốn tự do trên thị trường, được quyền ưu tiên mua cổ phần mới được phát hành, được chia 1 phần TS của công ty khi bị giải thể. Cổ đông hoặc 1 nhóm cổ đông SH trên 10% tổng số cổ phần phổ thông thì có các quyền đặt trưng như sau.

-Được quyền triệu tập ĐHĐ cổ đông.

-Được đề cử, ứng cử người vào HĐQT và BKS.

-Được xem danh sách hay được cấp bản sao hay bản trích lục danh sách những người tham gia vào ĐHĐ cổ đông.

Đối với các sáng lập viên thì các sáng lập viên phải chia nhau nắm giữ ít nhất 20% cổ phần phổ thông. Số cổ phần này không được chuyển nhượng cho người khác trong 3 năm đầu, ngoại trừ trường hợp được ĐHĐ cổ đông đồng ý. Hạn chế này sẽ không còn sau 3 năm, lúc đó cổ phần phổ thông của các sáng lập viên được chuyển nhượng tự do trên thị trường.

c>Cổ phiếu:

Là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành hoặc bút toán ghi sổ chứng nhận quyền SH của người mua 1 hoặc nhiều cổ phần, có thể nhiều loại cổ phần khác nhau với mệnh giá khác nhau. Công ty ct1 phát hành cổ phiếu hay không phát hành cổ phiếu mà chỉ khi trong sổ sách kế toán chứng quyền SH của người mua cổ phần.

*Trái phiếu: CT có thể phát hành nhiều loại trái phiếu, trái phiếu có bảo đảm, trái phiếu không có bảo đảm, dài, ngắn và trung hạn v.v... và những trái phiếu hoán đổi hay chuyển đổi sang cổ phiếu.

	Cổ phần phổ thông	Trái phiếu
-Người mua	Người góp vốn	Chủ nợ
-Quyền người mua	Tham gia ĐHĐ, được quyết định tham gia tập thể	Không được tham gia vào ĐHĐ
-Tiền lời	Không cố định	Cố định
-Ưu tiên trả tiền lời trước	Không được ưu tiên	Được ưu tiên
-Trách nhiệm người mua đv nợ CT	Tối mức vốn góp	Không chịu trách nhiệm

*Chia cổ tức: CTCP chỉ được chia cổ tức khi công ty có lời, đã thực hiện xong các khoản nợ và thực hiện xong các nghĩa vụ TS. Nếu CT không có lời mà chia cổ tức, thì người nhận được cổ tức phải hoàn trả cho công ty. Nếu không hoàn trả lại thì phải liên đới chịu trách nhiệm với các TV HĐQT, chịu trách nhiệm đv các khoản nợ của CT.

*Mua bán cổ phần:

a>Bán cổ phần.

-Mệnh giá là giá ghi trên cổ phiếu.

-Giá thị trường do cân đối cung cầu trên thị trường mà có.

+Khi CT phát hành cổ phiếu mới thì CT không được bán dưới giá thị trường vào thời điểm bán. Tuy nhiên CT được bán thấp hơn giá thị trường trong 3 trường hợp sau:

Mới phát hành cổ phiếu lần đầu: CT bán cho cổ đông của CT.
CT bán cho CT môi giới chứng khoán hoặc CT bảo lãnh, bán bằng giá thị trường trừ hoa hồng bảo lãnh.

b>Mua cổ phần.

+Mua theo đề nghị của cổ đông: Cổ đông phản đối quyết định của ĐHĐ cổ đông về 1 trong 2 vấn đề sửa đổi bản điều lệ của CT liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc tổ chức lại CT thì cổ đông đó có quyền yêu cầu CT mua lại cổ phần của mình. CT chỉ mua lại cổ phần của cổ đông, nếu sau khi mua lại cổ phần của cổ đông CT...thì CT phải trả nợ cho các chủ nợ và giải quyết các hợp đồng TS khác. Giá mua lại căn cứ vào thoả thuận giữa các bên hoặc căn cứ vào giá thị trường tại thời điểm mua.

+Mua theo quyết định của CT: CTCP không được mua quá 30% tổng số cổ phần phổ thông còn đv cổ phần khác thì được mua 1 phần hay toàn bộ

Quyết định mua lại trên 10% cổ phần mỗi loại phải là quyết định của Đại Hội Đồng cổ đông, mua lại dưới 10% cổ phần mỗi loại thì quyết định của HĐQT.

Giá mua lại do HĐQT quyết định nhưng đv cổ phần phổ thông thì không được mua cao hơn giá thị trường vào thời điểm mua, đv cổ phần ưu đãi thì ngược lại.

III. Quản lí công ty cổ phần.

Cơ cấu quản lí của công ty cổ phần gồm có Đại Hội Đồng cổ đông, Hội Đồng Quản Trị, Giám Đốc và Ban Kiểm Soát nếu số cổ đông trên 11 người.

1>Đại Hội Đồng cổ đông: gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐ được triệu tập mỗi năm ít nhất 1 lần, ngoài ra có thể triệu tập bất thường theo yêu cầu của chủ tịch thành viên hoặc của Ban Kiểm Soát hoặc của cổ đông hay nhóm cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần phổ thông liên tục trên 6 tháng.

ĐHĐ cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất trong công ty cổ phần, có quyền quyết định những vấn đề quan trọng nhất của công ty như là: các loại cổ phần phát hành, tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại, chiến lược kinh doanh, kế hoạch SXKD hàng năm. Quyết định phương án đầu tư có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị TS của công ty, bầu bãi miễn trách nhiệm thành viên HĐQT và Ban Kiểm Soát, quyết định sửa đổi bản điều lệ, tổ chức lại công ty & giải thể công ty.

2>HĐQT.

Do ĐHĐ cổ đông bầu ra theo tỉ lệ góp vốn. Số lượng TV của HĐQT do bản điều lệ quy định nhưng không vượt quá 11 người. HĐQT là cơ quan quản lí điều hành công ty có quyền quyết định những vấn đề liên quan đến quyền lợi của công ty, ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐ cổ đông.

Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra theo tỉ lệ góp vốn. Chủ tịch HĐQT được kiêm chức vụ Giám Đốc công ty. Nếu bản điều lệ quy định chủ tịch HĐQT là đại diện theo PL của công ty thì tất cả các giấy tờ giao dịch phải ghi rõ điều đó.

3>Vai trò của Giám Đốc công ty cổ phần.

Giám Đốc Công ty cổ phần do HĐQT cử ra có thể chọn Giám Đốc trong TV HĐQT hoặc thuê người ngoài làm Giám Đốc.

Giám Đốc được giao nhiệm vụ điều hành công việc hằng ngày của công ty, tổ chức thực hiện các quyết định của Đại Hội Đồng cổ đông và HĐQT nếu bản điều lệ không quy định chủ tịch HĐQT theo pháp luật của công ty thì Giám Đốc là đại diện theo PL của công ty.

TV HĐQT và giám đốc công ty cổ phần có tất cả các nghĩa vụ của người quản lí công ty giống như nghĩa vụ của Giám Đốc công ty hữu hạn 2 TV trở lên.

Những hợp đồng phải thông qua ĐHD cổ đông hoặc HĐQT . những hợp đồng kinh tế, dân sự được kí kết giữa 1 bên là công ty với 1 bên là TV HĐQT hoặc Giám Đốc công ty hay với những người có liên quan tới họ thì những hợp đồng này phải được thông qua ĐHD cổ đông nếu giá trị hợp đồng cao hơn 20% giá trị TS công ty, còn nếu giá trị hợp đồng thấp hơn 20% tổng giá trị TS của công ty thì phải thông qua HĐQT. Nếu những hợp đồng này được kí kết trước khi thông qua 2 hợp đồng trên thì những hợp đồng sẽ bị vô hiệu. Các bên bị xử lí vô hiệu người nào gây thiệt hại cho công ty thì phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

4>Ban Kiểm Soát(BKS).

Công ty cổ phần có từ 11 TV trở lên thì phải lập BKS. Số lượng TV của BKS là do bản điều lệ quy định tuy nhiên phải trong khoản từ 3 đến 5 người. Trưởng Ban Kiểm Soát bắt buộc phải là cổ đông của công ty. Trong BKS phải có 1 người có chuyên môn về kế toán, thẩm quyền của BKS là kiểm soát tính hợp lí và hợp pháp của toàn bộ HĐKD của công ty, kiểm tra sổ sách chứng từ tài chính thẩm tra bản quyết toán hằng năm. Có 1 yêu cầu mới là điều tra từng vụ việc của ĐHD cổ đông, của HĐQT, của BKS hoặc 1 cổ đông hay 1 nhóm cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần, đề nghị các biện pháp sửa đổi, cải tiến, tổ chức lại công ty.

IV. Tổ chức lại Doanh Nghiệp.

1>Chia Doanh Nghiệp.

Từ 1 DN lớn có thể chia thành nhiều DN nhỏ cùng loại Việc chia DN phải thực hiện bằng 1 quyết định của DN bị chia, quyết định này phải thông báo cơ quan đăng kí, cơ quan thuế vụ, những người lao động, các chủ nợ của DN bị chia & phải đăng kí trên 3 số báo liên tiếp, trên báo hằng ngày nơi DN bị chia hoạt động. Sau khi các DN được chia ĐKKD thì DN bị chia chấm dứt tồn tại. Toàn bộ nghĩa vụ của DN bị chia sẽ do các DN được chia liên đới chịu trách nhiệm.

2> Tách Doanh Nghiệp.

Từ 1 DN lớn có thể tách thành nhiều DN nhỏ cùng loại bằng cách chuyển 1 phần TS, Quyền và nghĩa vụ từ các Dn bị tách qua các DN được tách. Việc tách DN phải thực hiện bằng 1 quyết định của DN bị tách, quyết định này phải thông báo cơ quan đăng kí, cơ quan thuế vụ, những người lao động, các chủ nợ của DN bị tách & phải đăng kí trên 3 số báo liên tiếp, trên báo hằng ngày nơi DN bị tách hoạt động. Sau khi các DN được tách ĐKKD thì DN bị tách vẫn tồn tại. Do đó toàn bộ nghĩa vụ của DN bị tách sẽ do các DN bị tách liên đới chịu trách nhiệm với các Dn được tách để thực hiện.

3>Hợp nhất Doanh Nghiệp.

Từ nhiều DN nhỏ cùng loại có thể hợp nhất thành 1 DN mới cùng loại hình tổ chức KD gọi là DN hợp nhất. Việc hợp nhất DN phải thực hiện bằng 1 hợp đồng thoả thuận giữa các DN bị hợp nhất. Trong hợp đồng này các DN bị hợp nhất cam kết chuyển toàn bộ TS, quyền và nghĩa vụ cho DN hợp nhất, hợp đồng này phải thông báo cơ quan đăng kí, cơ quan thuế vụ, những người lao động, các chủ nợ của DN bị hợp nhất & phải đăng kí trên 3 số báo liên tiếp, trên báo hằng ngày nơi DN bị hợp nhất hoạt động. Sau khi các DN được hợp nhất ĐKKD thì các DN bị hợp nhất chấm dứt tồn tại, toàn bộ nghĩa vụ của DN bị hợp nhất sẽ do DN hợp nhất chịu trách nhiệm thực hiện.

4>Sáp nhập Doanh Nghiệp.

Từ nhiều DN nhỏ cùng loại có thể sáp nhập vào 1 DN cùng loại đã có sẵn bằng cách chuyển toàn bộ TS, quyền và nghĩa vụ của DN bị sáp nhập vào DN được sáp nhập. Việc sáp nhập DN phải thực hiện bằng 1 hợp đồng sáp nhập, hợp đồng này là thoả thuận giữa các DN bị sáp nhập và các DN được sáp nhập. Hợp đồng này phải thông báo cơ quan đăng kí, cơ quan thuế vụ, những người lao động, các chủ nợ của DN bị sáp nhập & phải đăng kí trên 3 số báo liên tiếp, trên báo hằng ngày nơi DN bị sáp nhập hoạt động. Sau khi các DN được sáp nhập ĐKKD thì các DN bị sáp nhập chấm dứt hoạt động, toàn bộ nghĩa vụ của DN bị sáp nhập sẽ do DN được sáp nhập chịu trách nhiệm thực hiện.

5>Chuyển đổi hình thức Doanh Nghiệp.

Công ty TNHH có thể chuyển qua công ty cổ phần hoặc ngược lại, thực hiện việc chuyển đổi này bằng 1 quyết định của công ty cũ. Trong quyết định chuyển đổi phải ghi rõ chuyển toàn bộ TS của công ty cũ qua công ty mới. quyết định chuyển đổi phải thông báo cơ quan đăng kí, cơ quan thuế vụ, những người lao động, các chủ nợ của công ty cũ & phải đăng kí trên 3 số báo liên tiếp, trên báo hằng ngày nơi công ty cũ hoạt động. Sau khi các DN mới ĐKKD thì DN cũ chấm dứt hoạt động. Toàn bộ nghĩa vụ của DN cũ sẽ do các DN mới chịu trách nhiệm thực hiện.

Việc chuyển đổi hình thức của công ty TNHH 1 TV. Nếu chủ Sở hữu của công ty TNHH 1 TV chuyển nhượng 1 phần vốn điều lệ của công ty cho 1 cá nhân hoặc tổ chức khác thì các bên phải ĐKKD lại dưới hình thức là công ty TNHH 2 TV trở lên. Nếu chủ sở hữu của công ty TNHH 1 TV bán toàn bộ TS DN cho 1 cá nhân thì phải xoá tên trong sổ ĐKKD và người mua phải đăng kí dưới hình thức DN tư nhân. Nếu chủ sở hữu của công ty này bán toàn bộ cho 1 tổ chức khác thì trường hợp này phải thay tên chủ sở hữu.

CHƯƠNG VI: CÔNG TY HỢP DANH

I. Định nghĩa.

CT hợp danh là do ít nhất 2 TV hợp danh thành lập, có thể thêm thành viên góp vốn, TV hợp danh là những cá nhân có chuyên môn nghiệp vụ, có uy tín trong nghề nghiệp chịu trách nhiệm đv các khoản nợ DN đến hết TS, TV góp vốn chịu trách nhiệm các khoản nợ đến hết mức vốn góp vào DN.

CT hợp danh không có tư cách pháp nhân, không được phát hành cổ phiếu và trái phiếu.

II. Quyền của các thành viên.

1>Thành viên hợp danh: có quyền quyết định công việc KD của công ty có quyền nhân danh công ty kí hợp đồng để thực hiện các công việc do công ty đảm nhiệm, có quyền quản lí ngang nhau. TV góp vốn chỉ được chia lời theo 1 tỉ lệ do bản điều lệ quy định.

III. Quản lí.

Cơ cấu quản lí của công ty hợp danh là do các TV hợp danh quyết định, các TV hợp danh được quyền quyết định ngang nhau. Nghị định hướng dẫn thi hành luật DN có hướng dẫn 1 cơ cấu tổ chức cho loại công ty này là có hội đồng TV. Hội đồng TV chỉ gồm các TV hợp danh, các TV góp vốn không được phép tham gia.

CHƯƠNG VII: DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

I>Định nghĩa:

DNNN là 1 TC KT do NN thành lập, đầu tư vốn và tổ chức quản lí.

II>Thủ tục thành lập.

1.Đề nghị thành lập DNNN.

*Cơ quan sáng lập: là cơ quan đề nghị thành lập DNNN, Hồ Sơ đề nghị thành lập bao gồm: tờ trình đề nghị thành lập DN.

- Đề án thành lập DNNN.
- Dự kiến vốn điều lệ.
- Dự thảo bản điều lệ.
- Đề nghị cấp đất đai xây dựng.

*Cơ quan quyết định:

-Đv DNNN độc lập có quy mô lớn hoặc giữ vai trò quan trọng trong nền KT và các tổng công ty thì cơ quan quyết định là thủ trưởng chính phủ. Tuy nhiên thủ trưởng chính phủ có quyền uỷ quyền lại cho bộ trưởng bộ quản lí ngành hoặc chủ tịch UBND cấp tỉnh, TP trực thuộc trung ương ra quyết định thành lập.

-Đv DNNN khác thì quyết định thành lập là của UBND cấp tỉnh, TP trực thuộc Trung ương hoặc bộ quản lí ngành.

*Hội Đồng thẩm định:

Cơ quan quyết định thành lập Hội Đồng Thẩm Định

để Hội Đồng Thẩm Định xem xét toàn bộ hồ sơ thành lập DNNN. Nếu Hội Đồng Thẩm Định đồng ý ghi vào biên bản thì căn cứ vào biên bản này cơ quan quyết định mới ra quyết định thành lập. Sau khi được cấp giấy phép thành lập trong vòng 30 ngày cơ quan sáng lập phải gửi danh sách đề nghị TV HĐQT & GD, đề nghị này được gửi lên cơ quan quyết định để cơ quan quyết định bổ nhiệm.

2. Đăng Kí Kinh Doanh.

Trong vòng 60 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép thành lập DNNN phải ĐKKD ở cơ quan Đăng kí có thẩm quyền(Sở kế hoạch đầu tư trực thuộc tỉnh, TP trực thuộc Trung ương).

Hồ sơ ĐK gồm có:

+Giấy phép thành lập

.+Bản điều lệ của DN.

+Danh sách các chức danh quản lí được bổ nhiệm.

+Giấy chứng nhận của cơ quan cấp vốn.

+Giấy chứng nhận của cơ quan cấp đất đai, xây dựng.

Cơ quan ĐK sẽ xét HSDK trong 30 ngày. Nếu chấp nhận thì cấp giấy chứng nhận ĐKKD. Sau khi được cấp giấy chứng nhận ĐKKD thì DN có tư cách pháp nhân & DN được phép bắt đầu hđ.

3. Công bố việc thành lập:

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày được cấp giấy CNĐKKD, Dn phải đăng báo thông báo về việc thành lập DN, phải đăng trên 3 số báo liên tiếp, trên báo hàng ngày của trung ương hay địa phương.

III>Vốn của DNNN.

1. Vốn điều lệ:

Là mức vốn do các sáng lập viên ghi trong HSDK và được ghi trong bản điều lệ nên được gọi là vốn điều lệ. Vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn tối thiểu mà NN quy định cho từng ngành nghề KD gọi là vốn pháp định.

2. Vốn giao:

(Đối với DNNN 100% Vốn NN). Gồm:

-Vốn do ngân sách NN cấp

-Vốn có nguồn gốc từ ngân sách gồm:

+Khấu hao cơ bản.+Thanh lí TS.

+Tiền viện trợ.

+TS tiếp thu từ chế độ trước.

-Vốn do DN tự tích lũy mà có.

=>DN có trách nhiệm phải bảo toàn và phát triển vốn giao. Nếu DN không bảo toàn được vốn giao thì phải xét lí do. Nếu vì lí do khách quan thì sẽ xét giảm vốn giao. Nhưng nếu vì lí do chủ quan người nào gây thiệt hại cho DN thì phải bồi thường thiệt hại cho DN còn DN phải chịu bù đắp vốn giao bằng tiền lời của những năm trước:

+Phần vốn do DN tự tích lũy mà có.

+Dùng tiền lời của những năm sau.

IV>Quản lí Doanh nghiệp nhà nước.

1.Khái niệm quản lí doanh nghiệp.

a>Quản lí hoạt động.

NN giao cho bộ quản lí ngành hoặc UBND các tỉnh hay thành phố trực thuộc trung ương quản lí DN về hđ. Cơ quan này có các quyền sau đây:

-Quyết định về việc thành lập, giải thể, chia tách, sát nhập DNNN và chuyển hình thức sở hữu DN.

-Giao nhiệm vụ, mục tiêu hđ, chiến lược KD, kế hoạch SXKD cho DN.Giao vốn cho DN

.-Quyết định việc cho thuê hoặc bán hay chuyển nhượng trang thiết bị, nhà xưởng quan trọng

.-Quyết định về việc liên doanh liên kết góp vốn đầu tư với các tổ chức KD khác, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỉ luật các chức danh quản lí DN, cùng với DN quyết định mức tiền lương cho người lđ.

-Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

b>Quản lí tài chính.

NN giao cho bộ tài chính nhiệm vụ quản lý tài chính DN.

2.Quản lý bộ DNNN.

Đối với DN độc lập có quy mô lớn hoặc giữ vai trò quan trọng trong nền KT & các tổng công ty thì cơ cấu gồm có:

HĐQT, Giám Đốc, BKS.Đối với DN Khác thì cơ cấu gồm Giám Đốc và bộ máy giúp việc.

a>HĐQT.

TV HĐQT của DNNN do nhà nước bổ nhiệm có số lượng TV tùy theo quy mô ngành nghề KD của từng DN. TV HĐQT phải có đủ các tiêu chuan

-Công dân VN thường trú tại VN

.-Đầy đủ sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có tinh thần tôn trọng PL.

-có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có năng lực quản lý, năng lực chuyên môn.

-Không được đồng thời là cán bộ lãnh đạo ở cơ quan nhà nước khác.

Có 2 loại Tv của HĐQT:

+TV chuyên trách chỉ có chủ tịch HĐQT hưởng lương theo quy chế công chức tại DN, tiền thưởng căn cứ vào mức đóng góp & hiệu quả hđ KD

+TV kiêm nhiệm gồm những TV khác, TV kiêm nhiệm chỉ được hưởng phụ cấp trách nhiệm & tiền thưởng.TV của HĐQT phải chịu trách nhiệm liên đới với quyết định của HĐQT. Nếu quyết định của HĐQT vượt quyền hay lạm quyền gây thiệt hại cho DN thì các TV HĐQT phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho DN.HĐQT là cơ quan quản lý điều hành DNNN được quyết định những vấn đề liên quan đến quyền lợi của DN ngoại trừ những vấn đề

thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý cấp trên. Chủ tịch HĐQT không được kiêm chức vụ Giám Đốc DN.

b>Giám Đốc DN.

GD do NN bổ nhiệm theo đề nghị của HĐQT. GD là đại diện theo PL của DN. GD được giao nhiệm vụ điều hành công việc hằng ngày của DN. GD & những người quản lý nghiệp vụ của DN không được đứng tên thành lập DNTN, không được giữ chức vụ quản lý trong công ty mà họ góp vốn, không được kí HĐKT với cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh em của họ nếu những người này giữ chức vụ quản lý trong DNTN hoặc trong công ty. Cha mẹ, vợ chồng, con, anh em những người này không được giữ chức vụ kế toán trưởng trong DN mà người thân họ giữ chức vụ quản lý hoặc trong DN trực thuộc

c>Ban kiểm soát.

BKS của DN do HĐQT lập ra để giúp HĐQT giám sát toàn bộ HĐ của DN, kiểm tra sổ sách chứng từ tài chính, thẩm tra bản quyết toán hằng năm, kiểm tra tính hợp pháp & trung thực của các quyết định tài chính của GD & bộ máy giúp việc.

CHƯƠNG VIII : HỢP TÁC XÃ

I.Định nghĩa.

HTX là TC KT tự chủ do những người lđ góp vốn, góp công thành lập nhằm mục đích giúp đỡ nhau để HĐ KD được tốt hơn & cải thiện đời sống.

II.Thành lập HTX

1.Đề nghị thành lập HTX.

Những sáng lập viên báo cáo với UBND cấp xã đề nghị thành lập HTX nêu rõ phương hướng mục tiêu hđ của các HTX. Sau khi được UBND cấp xã chấp nhận thì các sáng lập viên sẽ tuyên truyền, vận động những người tham gia HTX & tổ chức hội nghị thành lập HTX, hội nghị thành lập HTX bao gồm các sáng lập viên và những người tự nguyện tham gia HTX. Hội nghị này thảo luận thông qua tên HTX, mục tiêu hđ, phương hướng hđ, bản điều lệ, danh sách xã viên chính thức: bầu ban quản trị, chủ nhiệm HTX & BKS.

Sau khi có biên bản thành lập HTX thì chủ nhiệm HTX mới ĐKKD.

2.ĐKKD.

Chủ nhiệm HTX phải nộp HS ĐKKD ở UBND cấp huyện. Khi được chấp nhận thì UBND sẽ cấp giấy chứng nhận ĐKKD, HTX có tư cách pháp nhân & bắt đầu hđ.

III.Vốn của HTX.

1.Vốn điều lệ.

Là mức vốn mà chủ nhiệm HTX ghi trong HS ĐKKD & được ghi vào bản điều lệ nên được gọi là vốn điều lệ.

Đv 1 số HTX đặc biệt mà PL có quy định mức vốn tối thiểu thì mức vốn điều lệ của HTX không được thấp hơn mức vốn tối thiểu do NN quy định.

2.Vốn hoạt động của HTX.

Gồm vốn góp của xã viên+Vốn tích lũy của HTX+Vốn huy động thêm.

Vốn huy động thêm được huy động từ các nguồn:

- Vay của ngân hàng hay các tổ chức tín dụng khác.
- Có thể kêu gọi xã viên góp thêm vốn.
- Vay của xã viên.

-Được tài trợ, có thể được NN tài trợ & có thể được tài trợ từ cá nhân, tổ chức trong & ngoài nước.

Trong phần vốn hđ của HTX có phần TS không được chia đó là phần vốn của NN: các nguồn lực trang thiết bị NN tài trợ cho HTX để HTX hđ. Sau khi HTX bị giải thể thì phần vốn này không được chia và phải giao lại cho UBND nơi HTX hđ để UBND sd cho cộng đồng dân cư.

IV>Quản lí HTX.

Cơ cấu quản lí của HTX gồm: Đại Hội Xã Viên, Ban Quản Trị, Chủ

Nhiệm HTX & BKS.

1.Đại Hội Xã Viên(ĐHXV).

Gồm tất cả các xã viên của HTX. ĐHXV mỗi năm họp ít nhất 1 lần, có thể họp bất thường theo đề nghị của Ban Quản Trị hoặc BKS để giải quyết những vấn đề ngoài phạm vi, ngoài thẩm quyền quyết định của Ban Quản Trị & BKS.

Nếu có trên 1/3 tổng số xã viên yêu cầu thì Ban Quản Trị phải triệu tập ĐHXV. Nếu quá 10 ngày không triệu tập ĐHXV thì BKS phải triệu tập ĐHXV. ĐHXV là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của HTX.

2.Ban Quản Trị(BQT).

Do ĐHXV trực tiếp bầu ra. Nếu số xã viên dưới 15 người thì có thể không bầu BQT mà chỉ bầu Chủ Nhiệm HTX, Chủ Nhiệm HTX sẽ đảm nhiệm luôn công việc của BQT.

BQT là cơ quan quản lí điều hành HTX quyết định những vấn đề liên quan đến quyền lợi HTX ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHXV.

3.Chủ Nhiệm HTX.

Do ĐHXV bầu ra. Chủ Nhiệm HTX là đại diện theo PL của HTX. Chủ nhiệm HTX điều hành công việc của HTX thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HTX trước PL.

4.Ban Kiểm Soát(BKS).

Do ĐHXV bầu ra. Nếu số xã viên ít thì có thể bầu ra 1 kiểm soát viên, BKS giám sát toàn bộ hđ của HTX.

V>Giải thể HTX.

1.Giải thể tự nguyện.

Nếu ĐHXV quyết định giải thể thì phải gửi đơn xin phép giải thể lên UBND nơi cấp giấy chứng nhận ĐKKD. HTX phải tiến hành thủ tục giải thể: Đăng báo trên 3 số báo liên tiếp, trên báo hằng ngày của địa phương nơi HTX hđ, thông báo tham gia thanh lí nợ & thanh lí hợp đồng.

HTX phải thành lập tổ thanh lí TS để bán TS thanh toán nợ & thanh lí TS để khi chấm dứt thanh toán nợ và thanh lí hợp đồng thì UBND mới thông báo quyết định cho phép giải thể hay không. Nếu được chấp nhận giải thể thì HTX phải thanh toán các chi phí & TS còn lại cho các Xã viên.

2.Giải thể bắt buộc.

Đây là trường hợp UBND nơi cấp giấy chứng nhận ĐKKD quyết định bắt buộc HTX giải thể.

Lí do giải thể:

-Quá 12 tháng kể từ khi được cấp giấy chứng nhận ĐKKD mà HTX không hđ được.

-HTX ngưng hđ quá 12 tháng không có lí do chính đáng.

-HTX không đủ số Xã viên theo luật định quá 6 tháng.

-Quá 18 tháng mà HTX không tổ chức ĐHXV được & những lí do khác.

UBND sẽ thành lập hội đồng giải thể, cử 1 chủ tịch hội đồng giải thể. Ong này sẽ tổ chức các thủ tục giải thể, đăng báo tg thanh toán nợ & thanh lí hợp đồng & bán TS của HTX để trả nợ.

UBND sẽ thu hồi giấy chứng nhận ĐKKD và con dấu của HTX.

CHƯƠNG IX: DN CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

I.Các hình thức đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài vào VN.

Dưới 3 hình thức:

- DN Liên Doanh.
- DN 100% Vốn nước ngoài.
- Hợp Đồng Hợp Tác KD.

1.DN Liên Doanh.

a>Định nghĩa:

2 hoặc nhiều bên có thể hợp tác thành lập DN Liên Doanh tại VN trên cơ sở Hợp Đồng liên Doanh hoặc hiệp ước thương mại giữa các nước. DN liên Doanh bắt buộc phải thành lập dưới hình thức CT TNHH có pháp nhân VN.

b>Thành lập.

Các bên phải nộp Hồ Sơ xin giấy phép đầu tư ở cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép đầu tư(Sở kế hoạch đầu tư trực thuộc tỉnh TP trực thuộc trung ương). Đv Hồ sơ cần phải khẳng định dự án đầu tư thì tg xem xét để cấp giấy phép đầu tư là 45 ngày còn đv Hồ sơ không cần thẩm định dự án đầu tư thì tg xem xét cấp giấy phép đầu tư là 30 ngày. Sau khi được cấp giấy phép đầu tư thì DN có tư cách pháp nhân & bắt đầu hđ. Giấy phép đầu tư có hiệu lực tương đương giấy CNĐKKD.

c>vốn.

Vốn của bên nước ngoài hoặc các bên nước ngoài trong liên doanh không được thấp hơn 30% vốn điều lệ hoặc vốn góp của các bên được tính căn cứ vào giá thị trường vào thời điểm góp vốn, các máy móc trang thiết bị phải có giấy chứng nhận của tổ chức giám định độc lập.

Các bên phải chịu trách nhiệm về tính chính xác & hợp pháp của vốn góp vào Liên Doanh.

Các bên chia lời và chịu lỗ tương đương với phần góp vốn ngoại trừ trường hợp có thoả thuận khác.

d>Quản lí DN.

Các bên được cử đại diện tham gia HĐQT theo tỉ lệ góp vốn.

+Trường hợp Liên Doanh có 2 bên thì mỗi bên phải có ít nhất 2 đại diện trong HĐQT.

+Trường hợp Liên Doanh có nhiều bên thì mỗi bên có ít nhất 1 TV trong HĐQT.

+Trường hợp Liên Doanh có 1 bên VN nhiều bên nước ngoài hoặc 1 bên nước ngoài và nhiều bên VN thì bên duy nhất phải có ít nhất 2 đại diện trong HĐQT.

Tổng GD của Liên doanh do các bên nhất trí cử ra. Tổng GD hoặc Phó Tổng GD thứ nhất phải là người VN.

2.DN 100% Vốn nước ngoài.

Nhà đầu tư nước ngoài có quyền thành lập DN 100% vốn nước ngoài tại VN, DN 100% vốn nước ngoài phải lập dưới hình thức CT TNHH có pháp nhân VN.

3.Hợp Đồng Hợp Tác KD.

2 hoặc nhiều bên có thể hợp tác KD dưới hình thức Hợp Đồng Hợp Tác KD, Hợp Đồng Hợp Tác KD là thoả thuận giữa 2 hoặc nhiều bên để hợp tác KD mà không thành lập pháp nhân mới. Vd: Hợp Đồng hợp Tác chia SP, Hợp Đồng Hợp Tác chia lời...

II.Chấm dứt hđ của DN có vốn đầu tư nước ngoài.

DN có vốn đầu tư nước ngoài chấm dứt hđ trong các trường hợp sau:

+Chấm dứt tg hđ.

+Do thoả thuận giữa các bên hoặc theo điều kiện chấm dứt ghi trong bản điều lệ.

+Do quyết định của cơ quan NN có thẩm quyền thu hồi giấy phép đầu tư.

+Do NN phá sản.